

Số: 857/QĐ-UBND

Yên Bái, ngày 08 tháng 3 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt kết quả xếp hạng Chỉ số chuyển đổi số của các sở, ban, ngành;
các huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh Yên Bái năm 2023**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH YÊN BÁI

Căn cứ Luật tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Quyết định số 922/QĐ-BTTTT ngày 20/5/2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông phê duyệt Đề án “Xác định Bộ chỉ số đánh giá Chuyển đổi số của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và của quốc gia”;

Căn cứ Nghị quyết số 51-NQ/TU ngày 26/10/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khoá XIX về chuyển đổi số tỉnh Yên Bái giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 2116/QĐ-UBND ngày 15/11/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái về việc ban hành Bộ chỉ số đánh giá chuyển đổi số của các sở, ban, ngành; các huyện, thị xã, thành phố tỉnh Yên Bái;

Căn cứ Báo cáo số 361/BC-HĐĐG ngày 06/3/2024 của Hội đồng đánh giá kết quả chỉ số chuyển đổi số đối với các sở, ban, ngành; các huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh Yên Bái;

Xét đề nghị của Sở Thông tin và Truyền thông.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả xếp hạng Chỉ số chuyển đổi số của các sở, ban, ngành; các huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh Yên Bái năm 2023

(Chi tiết theo Phụ lục I, Phụ lục II kèm theo Quyết định này).

Điều 2. Tổ chức thực hiện


1. Sở Thông tin và Truyền thông có trách nhiệm thông báo công khai kết quả đánh giá, xếp hạng Chỉ số chuyển đổi số của các cơ quan, đơn vị, địa phương trên phạm vi toàn tỉnh.

2. Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố tiếp tục phát huy những kết quả đạt được, đồng thời chỉ đạo rà soát, phân tích nguyên nhân của những hạn chế, những chỉ số có điểm còn thấp, từ đó đề ra các giải pháp khắc phục để cải thiện, nâng cao Chỉ số chuyển đổi số của cơ quan, đơn vị địa phương năm 2024 và các năm tiếp theo.

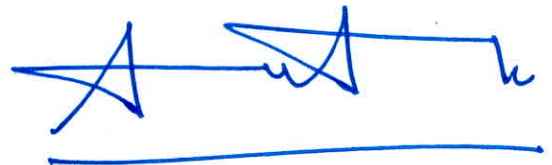
Điều 3. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông; Thủ trưởng các sở, ban, ngành của tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận: 

- Như Điều 3;
- Bộ Thông tin và Truyền thông;
- TT. Tỉnh ủy;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Báo Yên Bái;
- Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh;
- Chánh VP; các PCVP;
- Công Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, TH, VX. 

CHỦ TỊCH



Trần Huy Tuấn

Phụ lục I
XẾP HẠNG CHỈ SỐ CHUYỂN ĐỔI SỐ CỦA CÁC SỞ, BAN, NGÀNH NĂM 2023
(Kèm theo Quyết định số: **357** /QĐ-UBND ngày **08/3/2024**
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái)

Sở, ban, ngành	Tỷ lệ hoàn thành (%)	Xếp hạng
Sở Thông tin và Truyền thông	98,82	1
Văn phòng UBND tỉnh	97,06	2
Sở Tài chính	91,95	3
Sở Kế hoạch và Đầu tư	91,89	4
Sở Giáo dục và Đào tạo	91,88	5
Sở Nội vụ	91,50	6
Sở Lao động Thương binh và Xã hội	90,26	7
Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	83,97	8
Thanh tra tỉnh	83,62	9
Sở Y tế	82,33	10
Sở Công Thương	82,07	11
Sở Khoa học và Công nghệ	80,91	12
Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	78,96	13
Sở Xây dựng	78,41	14
Sở Tư pháp	76,91	15
Ban Dân tộc	73,08	16
Sở Giao thông Vận tải	70,28	17
Ban Quản lý các khu công nghiệp	69,17	18
Sở Tài nguyên và Môi trường	60,44	19

Phụ lục II
XẾP HẠNG CHỈ SỐ CHUYỂN ĐỔI SỐ
CÁC HUYỆN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ NĂM 2023
(Kèm theo Quyết định số: **357** QĐ-UBND ngày **08/3/2024**
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái)

Huyện, thị xã, thành phố	Tỷ lệ hoàn thành (%)	Xếp hạng
(1)	(6)	(7)
Thành phố Yên Bái	80,69	1
Huyện Văn Yên	80,57	2
Thị xã Nghĩa Lộ	77,91	3
Huyện Yên Bình	73,59	4
Huyện Trấn Yên	73,49	5
Huyện Lục Yên	73,44	6
Huyện Văn Chấn	62,10	7
Huyện Mù Cang Chải	54,53	8
Huyện Trạm Tấu	54,09	9